

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **70/2021/DSST**.

Ngày: **18/10/2021**

V/v “tranh chấp HĐ vay TS”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

2/ Ông **Bùi Thanh Trí**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Trương**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2021. Về tranh chấp “**Hợp đồng vay tài sản**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2021/QĐXXST, ngày 29 tháng 9 năm 2021. Giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn**: Bà **NGUYỄN THỊ B (Dì tư)**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 114, KV. T T, P. P T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc Truyền**, sinh năm 1954 (Giấy ủy quyền lập ngày 25/5/2021. BL 2-3). (Có mặt)

2- **Bị đơn**: Ông **HUỖNH THANH P**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 29B, KV. T P, P. P T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ. (Vắng mặt)

3- **Người liên quan**: Bà **NGUYỄN PHẠM HOÀNG T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 168, KV. Y H, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2021 thì nguyên đơn có cho ông Huỳnh Thanh P vay nhiều lần số tiền là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Hai

bên có viết Giấy nhận nợ ngày 08/10/2020, thỏa thuận mỗi tuần trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không thực hiện.

Do ông P không trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông P trả số nợ 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định từ khi viết Giấy nhận nợ ngày 08/10/2020.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh P thừa nhận từ tháng 8/2019 có vay của nguyên đơn nhiều lần (không có làm biên nhận), thỏa thuận lãi suất 60%/tháng, đến ngày 08/10/2020 hai bên thống nhất số tiền nợ là 35.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tuần trả 1.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có ký tên trong nhận nợ ngày 08/10/2020 như nguyên đơn trình bày. Bị đơn cho rằng đã trả được 18 lần với số tiền 18.000.000 đồng (do con dâu bà B là Nguyễn Phạm Hoàng T góp dùm). Nhưng do tin tưởng nên ông chỉ ghi và ký tên vào sổ của bà B cất giữ, không có chứng cứ về việc trả tiền này. Nên ông chỉ đồng ý trả nợ gốc 17.000.000 đồng còn lại và không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu nguyên đơn. Bị đơn không yêu cầu điều chỉnh lại tiền lãi đã đóng.

Người liên quan Nguyễn Phạm Hoàng T trình bày: bà không có nhận góp dùm cho nguyên đơn số tiền 18.000.000 đồng như bị đơn trình bày. Việc ông P góp tiền cho bà là để trả nợ riêng của bà, không có liên quan gì đến nợ của bị đơn với nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Huỳnh Thanh P cố tình vắng mặt không đến. Sau khi tiến hành các thủ tục cần thiết, Tòa án quyết định đưa ra xét xử công khai vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi ông P có trách nhiệm trả số nợ gốc **35.000.000 đồng** (Ba mươi lăm triệu đồng), yêu cầu tính lãi suất theo qui định kể từ ngày chốt nợ (tức là ngày 08/10/2020) cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn Huỳnh Thanh P vẫn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Sau khi nghe ý kiến phát biểu của phía nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Việc vay mượn tiền giữa các đương sự được lập bằng văn bản là Giấy nhận nợ ngày 08/10/2020 gốc (BL 9) thể hiện bị đơn có mượn của nguyên đơn số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) nên xem đây là hợp đồng vay tài sản. Bên vay có nghĩa vụ phải trả cho bên cho vay tài sản theo thỏa thuận. Giữa hai bên không thực hiện đúng thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về số nợ gốc, quá trình giải quyết cả đại diện nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định ông Huỳnh Thanh P có vay của bà Nguyễn Thị B số nợ gốc

là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Tại Biên bản hòa giải ngày 07/7/2021 và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cùng ngày 07/7/2021 (BL 22-25), ông P cũng thừa nhận có viết Giấy nhận nợ ngày 08/10/2020 gốc (BL 9) và đã ký tên xác nhận. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng đã trả được số tiền 18.000.000 đồng nhưng không có viết biên nhận. Phía nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn đã trả nợ và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh. Phía bị đơn đã được hưởng quyền sở hữu tài sản vay đầy đủ nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình kéo dài thời gian. Thậm chí Tòa án triệu tập xét xử nhiều lần vẫn không đến, thái độ xem thường pháp luật. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn có trách nhiệm trả số nợ cho nguyên đơn **35.000.000 đồng** (Ba mươi lăm triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Trong Giấy nhận nợ ngày 08/10/2020 gốc (BL 9) chỉ thể hiện số tiền vay, thỏa thuận trả mỗi tuần 1.000.000 đồng nhưng không thể hiện lãi suất nên xem đây là trường hợp vay không kỳ hạn và không có lãi theo Điều 463, 469 của Bộ luật dân sự. Tại tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo qui định từ ngày 08/10/2020 đến ngày xét xử. Theo khoản 2 Điều 357, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất theo qui định là 50%(20%/năm) tức **0,83%/tháng**. Từ ngày 08/10/2020 đến ngày xét xử 18/10/2021 là 12 tháng 10 ngày. Nên tiền lãi là 35.000.000 đồng x 12 tháng 10 ngày x 0,83%/tháng = **3.582.830 đồng** (Ba triệu năm trăm tám mươi hai ngàn tám trăm ba mươi đồng).

[4] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Tuy nhiên, kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 5%(35.000.000 đồng + 3.582.830 đồng) = 1.929.141 đồng (Một triệu chín trăm hai mươi chín ngàn một trăm bốn mươi một đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, **227**, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Điều 463, 466, 468, 469 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của bà **Nguyễn Thị B.** Buộc ông **Huỳnh Thanh P** có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số nợ gốc **35.000.000 đồng** (Ba mươi lăm triệu đồng) và nợ lãi **3.582.830 đồng** (Ba triệu năm trăm tám mươi hai ngàn tám trăm ba mươi đồng), tổng cộng là **38.582.830 đồng** (Ba mươi tám triệu năm trăm tám mươi hai ngàn tám trăm ba mươi đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Bị đơn **Huỳnh Thanh P** phải chịu **1.929.141 đồng** (Một triệu chín trăm hai mươi chín ngàn một trăm bốn mươi một đồng) án phí dân sự theo giá ngạch.

Nguyên đơn **Nguyễn Thị B** là đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên các đương sự có mặt được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường nơi cư trú hoặc từ khi nhận được bản án ông **Huỳnh Thanh P** được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung